TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/11/2019
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Thanh Miện
2/ Ông Hoàng Văn Thìn
Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai -Thư ký Toà án nhân dân Huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thúy: Kiểm sát viên.
Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXX- ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh Ngô Văn C, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Nguyễn Thị N) trình bày:
Chị và anh Ngô Văn C kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, cưới có thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 09/01/2018. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh C làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị xác định là do chị và anh C không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên có được gia đình hai bên động viên hòa giải

nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, khó có thể tiếp tục sống chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Bị đơn (anh Ngô Văn C) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị N về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc anh xác định từ khi kết hôn đến khoảng tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do gia đình anh có người bị tai nạn nằm viện điều trị, anh phải lên chăm sóc thì hai vợ chồng có to tiếng cãi vã nhau. Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2019 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không bên nào quan tâm đến bên nào. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn, chị N có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị N và anh C đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Ngô Quốc H, sinh ngày 02/9/2018 hiện nay đang ở với anh C và phát triển bình thường. Ly hôn, chị N và anh C đều nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh C tiếp tục nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh C đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác và các quan hệ khác: Chị N và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2019 của chị Nguyễn Thị N đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Ngô Văn C đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và đã có lời khai trong hồ sơ, đồng thời cả chị N và anh C đều đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong các buổi làm việc bao gồm các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Do vậy, Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §iÒu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết vợ chồng chị N, anh C từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị N và anh C không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên vợ chồng đã cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, do vậy từ tháng 3 năm 2019 chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay

và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Việc chị N có đơn xin ly hôn anh C cũng đồng ý do xác định tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị N và anh C được ly hôn là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[3]. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị N, anh C thấy rằng:* Chị N và anh C có 01 con chung là Ngô Quốc H, sinh ngày 02/9/2018 hiện nay đang ở với anh C và phát triển bình thường. Ly hôn, chị N và anh C đều nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc H. Qua trao đổi với địa phương được biết cháu H đã ở cùng với anh C từ nhỏ đến nay, anh C có nhà cửa và công việc làm ổn định, chị N cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết để anh C tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ cần giao cháu Ngô Quốc H cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình cho nên yêu cầu nuôi con chung của anh C cần được chấp nhận. Chị N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Xét việc anh C không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này cho đến khi đương sự có yêu cầu.

[5].Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: chị N và anh C đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Văn C.

Về con chung: Giao anh Ngô Văn C trực tiếp nuôi Ngô Quốc H, sinh ngày 02/9/2018. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000299 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Văn C.

Về con chung: Giao anh Ngô Văn C trực tiếp nuôi Ngô Quốc H, sinh ngày 02/9/2018. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000299 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn